**ETS 1200 – SCRIPT & TRANS – PART 1 – TEST 02**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. (W-Am)  **(A) They’re looking at the screen.**  (B) They’re sitting next to each other.  (C) They’re organizing the desk.  (D) They’re decorating the walls. | 1. (Nữ – Giọng Mỹ)  **(A) Họ đang nhìn vào màn hình.**  (B) Họ đang ngồi cạnh nhau.  (C) Họ đang sắp xếp bàn làm việc.  (D) Họ đang trang trí các bức tường. |
| 2. (M-Am)  (A) She’s opening some shoe boxes.  **(B) She’s holding a shoe.**  (C) She’s putting up a shelf.  (D) She’s carrying a handbag. | 2. (Nam – Giọng Mỹ)  (A) Cô ấy đang mở vài hộp đựng giày.  **(B) Cô ấy đang cầm một chiếc giày.**  (C) Cô ấy đang dựng một cái kệ.  (D) Cô ấy đang mang một túi xách. |
| 3. (W-Br)  **(A) He’s wearing a tool belt.**  (B) He’s going into a house.  (C) He’s carrying some wood.  (D) He’s taking off his hat. | 3. (Nữ – Giọng Anh)  **(A) Anh ấy đang đeo đai lưng dụng cụ.**  (B) Anh ấy đang đi vào trong nhà.  (C) Anh ấy đang mang một số đồ gỗ.  (D) Anh ấy đang cởi mũ ra. |
| 4. (M-Br)  (A) Trees are being transported down the  river.  **(B) Buildings are overlooking the water.**  (C) Boats are passing under the bridge.  (D) Children are playing in the fields. | 4. (Nam – Giọng Anh)  (A) Cây đang được vận chuyển dọc theo con  sông.  **(B) Các toà nhà thì nhìn ra con sông.**  (C) Các con thuyền đang đi qua dưới cây cầu.  (D) Trẻ em đang chơi trên các cánh đồng. |
| 5. (W-Br)  (A) He’s turning on a machine.  (B) He’s rolling up his sleeves.  **(C) He’s holding an electrical cord.**  (D) He’s folding his jacket. | 5. (Nữ – Giọng Anh)  (A) Ông ấy đang khởi động một chiếc máy.  (B) Ông ấy đang xắn tay áo của mình.  **(C) Ông ấy đang cầm một sợi dây điện.**  (D) Ông ấy đang gấp áo khoác của mình. |
| 6. (M-Br)  (A) The women are assembling a desk.  **(B) A woman is writing in a notebook.**  (C) Some books are spread out on the floor.  (D) A customer is paying for some  merchandise. | 6. (Nam – Giọng Anh)  (A) Những người phụ nữ đang tụ họp tại bàn.  **(B) Một phụ nữ đang viết vào cuốn sổ.**  (C) Một vài cuốn sách thì vương vãi ra sàn.  (D) Một khách hàng đang trả tiền cho một  vài hàng hoá. |
| 7. (M-Am)  (A) A presentation is being made.  (B) They’re painting the walls.  **(C) One man is holding the back of a chair.**  (D) Cabinets are being installed. | 7. (Nam – Giọng Mỹ)  (A) Một bài thuyết trình đang diễn ra.  (B) Họ đang sơn các bức tường.  **(C) Một người đàn ông đang cầm lưng ghế.**  (D) Các tủ tài liệu đang được lắp đặt. |
| 8. (W-Am)  (A) She’s reaching for a book.  **(B) She’s operating a machine.**  (C) She’s turning the pages of a newspaper.  (D) She’s putting up some wallpaper. | 8. (Nữ – Giọng Mỹ)  (A) Bà ấy đang lấy một quyển sách.  **(B) Bà ấy đang vận hành một chiếc máy.**  (C) Bà ấy đang lật các trang báo.  (D) Bà ấy đang dán một vài giấy dán tường. |
| 9. (W-Br)  (A) The driver is checking the engine.  (B) Some tires are being repaired.  (C) Some workers are opening boxes.  **(D) The truck is parked next to containers.** | 9. (Nữ – Giọng Anh)  (A) Người tài xế đang kiểm tra động cơ.  (B) Một vài lốp xe đang được sửa chữa.  (C) Một vài công nhân đang mở các hộp.  **(D) Xe tải đậu ngay cạnh các thùng hàng.** |
| 10. (M-Br)  **(A) The men are wearing work vests.**  (B) The men are installing a shelf.  (C) The men are directing traffic.  (D) The men are working outdoors. | 10. (Nam – Giọng Anh)  **(A) Họ đang mặc bộ đồ công nhân.**  (B) Họ đang lắp đặt một cái kệ.  (C) Họ đang điều hướng giao thông.  (D) Họ đang làm việc ngoài trời. |